

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17- LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2025/DS-ST**
Ngày: 24-7-2025
v/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17- LÂM ĐỒNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Trọng Kim;
2. Bà Nguyễn Thị Bình.

-Thư ký phiên tòa: Bùi Lê Hiếu- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17- Lâm Đồng.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực A- Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2025/TLST- DS, ngày 20/5/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2025/QĐXXST-DS ngày 23/6/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/QĐST-DS ngày 9/7/2025; giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Á**, sinh năm 1979. Có mặt

Địa chỉ: Số A đường Đ, thôn Đ, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông **Bùi Xuân B**, sinh năm 1985; bà **Nguyễn Thị Bích P**, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số H đường Đ, thôn Đ, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Bùi Văn M**, sinh năm 1970. Có mặt.

Địa chỉ: Số A đường Đ, thôn Đ, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 8/4/2025 cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo, bản khai, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị Á và vợ chồng ông Bùi Xuân B có quan hệ họ hàng với nhau, ông Bùi Xuân B là cháu của ông Bùi Văn M. Vào năm 2021 vợ chồng ông B, bà P có mua căn nhà, với giá 1.500.000.000 đồng đã giao tiền 1.100.000.000 đồng, còn nợ lại 400.000.000 đồng. Do đó, ngày 02/12/2021 ông B, bà P vay của bà Á, ông M 400.000.000 đồng, để trả tiền mua nhà còn thiếu và nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về thế chấp vay ngân hàng trả nợ cho bà Á, ông M; trong thời gian từ 01 đến 02 tháng. Tuy nhiên, sau khi vay tiền ông B, bà P không trả nợ gốc cho bà Á, ông M, mà chỉ trả lãi được 07 tháng, với mức lãi 3%/tháng (thời gian trả lãi cụ thể vào ngày tháng nào bà Á, ông M không rõ). Do lâu quá ông B, bà P không trả nợ, nên vợ chồng bà Á có đòi, nên vào ngày 02/8/2024 bà P và ông B có viết giấy nợ với nội dung: Cháu Nguyễn Thị Bích P, cháu Bùi Xuân B có để lại sổ và mượn thím Ánh số tiền 400.000.000 đồng, tiền lãi thiếu lại 146.000.000 đồng. Nay vợ chồng bà Á yêu cầu vợ chồng ông B trả nợ gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi tính 1,66%/tháng, tính từ ngày vay: 02/12/2021 cho đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án, có trừ đi số tiền lãi vợ chồng ông B đã trả trong 7 tháng, mỗi tháng 12.000.000 đồng.

Chứng cứ do nguyên đơn đưa ra: Giấy ghi nợ ngày 02/8/2024, có thể hiện nội dung: Ngày 02/12/2021, bà P, ông B có mượn của bà Á số tiền 400.000.000 đồng và còn thiếu lại bà Á 146.000.000 đồng tiền lãi.

-Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Xuân B1 và bà Nguyễn Thị Bích P không đến tham gia tố tụng, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông B1, bà P về yêu cầu khởi kiện và chứng cứ của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần thủ tục:

[1.1]. Theo Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV, thì từ ngày 01/7/2025, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận được thành lập là Tòa án nhân dân khu vực 17- Lâm Đồng.

[1.2]. Khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 17- Lâm Đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp và người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (gọi tắt là Luật số 85). Mặc dù Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ cho bị đơn đến lần thứ hai, nhưng họ vẫn vắng mặt. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật số 85 xét xử vắng mặt họ. Trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên, đại diện Viện kiểm sát đã có văn bản từ chối tham gia phiên tòa sơ thẩm, vì vụ án không thuộc trường phải có sự tham gia của Viện kiểm sát.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, áp dụng pháp luật để giải quyết quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện, chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Quan hệ được xác lập vào năm 2021, nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu ông Bùi Xuân B và bà Nguyễn Thị P trả số nợ vay 400.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị Á và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn M trình bày: Vào năm 2021 bị đơn là vợ chồng ông Bùi Xuân B và bà Nguyễn Thị Bích P có mua 01 căn nhà giá 1.500.000.000 đồng, ông B bà P đã trả 1.100.000.000 đồng và còn nợ lại 400.000.000 đồng. Do chỗ bà con với nhau, nên vợ chồng ông B có vay của vợ chồng bà A số tiền 400.000.000 đồng để trả tiền mua nhà và nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vợ chồng ông B hứa sẽ dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay ngân hàng lấy tiền trả cho vợ chồng bà A trong thời gian từ 01 đến 02 tháng. Tuy nhiên vợ chồng ông B

không chịu trả tiền cho vợ chồng bà Á như đã hứa, mặc dù bà Á có yêu cầu nhiều lần. Do đó vào ngày 02/8/2024 vợ chồng ông B có viết một giấy có nội dung: Ông B, bà P có mượn của bà Á số tiền 400.000.000 đồng và tiền lãi còn thiếu lại là 146.000.000 đồng. Chứng cứ này bà Á đã giao nộp cho Tòa án và có nội dung phù hợp với trình bày của nguyên đơn. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị đơn ông B, bà P đều vắng mặt, nhưng không có lý do; Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn cho ông B, bà P. Tuy nhiên, ông B, bà P vẫn không có phản đối gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, để buộc ông B, bà P phải có nghĩa vụ trả cho bà Á, ông M số tiền gốc 400.000.000 đồng, quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

[4]. Về tiền lãi: Theo bà Á khai là trong thời gian vay ông B, bà P có trả lãi được 7 tháng, mỗi tháng 12.000.000 đồng = 84.000.000 đồng; đồng thời trong Giấy ghi nợ ngày 2/8/2024 bà P, ông B có ghi còn thiếu lại tiền lãi 146.000.000 đồng. Như vậy đã có căn cứ xác định hai bên cho vay có thỏa thuận về lãi. Số tiền lãi ông B bà P đã trả trong 7 tháng là 84.000.000 đồng cộng với tiền lãi còn nợ 146.000.000 đồng = 230.000.000 đồng, số tiền lãi này lớn hơn số tiền lãi tính theo mức 20%/năm kể từ ngày 2/12/2021 đến 2/8/2024. Do đó, có căn cứ xác định mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận lớn hơn 20%/năm. Nay bà Á, ông M yêu cầu ông B, bà P chịu lại suất 1,66%/tháng (tương đương 20%/năm) là phù hợp Điều 468 Bộ luật Dân sự. Lãi suất được tính như sau: từ ngày vay 02/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 24/7/2025 là 3 năm 7 tháng 22 ngày;

$[400.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 03 \text{ năm}] + [400.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times (7 + \frac{22}{30})] = 291.349.000 \text{ đồng}.$

Việc ông B, bà P có trả cho bà Á 07 tháng tiền lãi, với lãi suất 3%/tháng là vượt mức lãi suất do pháp luật quy định, nhưng không xác định được cụ thể ngày,

tháng trả lãi, nên không thể tính căn trừ số tiền lãi trả vượt mức pháp luật quy định vào tiền gốc, nên số tiền lãi ông B, bà P đã trả được trừ vào tổng tiền lãi phát sinh kể từ ngày vay đến ngày xét xử là phù hợp.

Số tiền lãi còn lại buộc ông B, bà P phải trả cho bà Á, ông M là: 291.349.000 đồng – (400.000.000 đồng x 3% x 07 tháng) = 207.349.000 đồng.

[5] Về án phí: Ông B, bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[6] Các đương sự, người đại diện có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 96, Điều 147, Điều điểm b khoản 2 Điều 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật số 85; Điều 280, 357, 463, 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Bùi Xuân B và bà Nguyễn Thị Bích P phải trả cho bà Nguyễn Thị Á và ông Bùi Văn M số tiền 607.349.000 đồng; trong đó nợ gốc là 400.000.000 đồng và nợ lãi là 207.349.000 đồng.

Kể từ tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Bùi Xuân B và bà Nguyễn Thị Bích P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Bùi Xuân B và bà Nguyễn Thị Bích P phải chịu 28.293.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Á 14.005.000

đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005461, ngày 20/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17, tỉnh Lâm Đồng, Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: 24/7/2025, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV 17;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thái